

Bản án số: 323/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2025

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đoàn Văn Rỹ;
- Ông Danh Cư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ: Số A đường L, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 985/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số H đường Q, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H năm 1995

Địa chỉ: Số B đường L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2024, bản tự khai ngày 03/01/2025 và tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh H1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 195/2022 ngày 14/6/2022. Quá trình chung sống, bà và ông H1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Bà và ông H1 đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 đến nay. Nhận thấy bà không còn tình cảm với ông H1, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông H1 để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung khác: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà tự nguyện chịu toàn bộ.

Bà thống nhất với các tài liệu, chứng cứ mà Thẩm phán đã công bố, không nộp thêm tài liệu, chứng cứ khác và không có yêu cầu nào khác. Bà cam kết toàn bộ những tài liệu đã nộp cho Tòa án là đúng sự thật khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các tài liệu đã nộp. Bà yêu cầu Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải vì ông H1 không có thiện chí cùng bà hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Bị đơn là ông Nguyễn Minh H1 được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn là ông Nguyễn Minh H1 được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Minh H1 là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt, có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Nguyễn Minh H1 được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai

nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 195/2022 ngày 14/6/2022 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Minh H1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày quá trình chung sống, bà và ông H1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có khả năng hàn gắn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1 để ổn định cuộc sống.

Xét ông Nguyễn Minh H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án nên phải chịu hậu quả của việc không tuân thủ nghĩa vụ có mặt theo sự triệu tập của Tòa án theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà T, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải, điều này thể hiện ông H1 không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó với nhau. Việc ly hôn là cần thiết để cả hai ổn định cuộc sống riêng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T để các đương sự ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H1 không có mặt để trình bày ý kiến và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung khác: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Minh H1 không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung khác sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Minh H1.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Minh H1 không có mặt để trình bày ý kiến và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung khác: Bà Nguyễn Thị Thanh T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Minh H1 không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung khác sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0030960 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Minh H1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ cho đương sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA dân sự Quận 8;
- UBND phường Bình Hưng Hoà A, quận Bình Tân, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Yến